

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO**

Địa chỉ: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3997 5154 Fax: 08. 3997 5155

---

<b>Mục lục</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 20

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011, như sau:

**1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Tháng 4 năm 2006 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊCA VNECO.

Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: **150.000.000.000** đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 30/6/2011, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là **90.075.000.000** đồng (Chín mươi tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cơ cấu vốn như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, Tp. HCM.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện CN - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011*

### **2. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi.

### **3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty**

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Ngô Văn Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Lê Thạch Túy	Thành viên	
Ông Lâm Quốc Hải	Thành viên	
Ông Đoàn Tuấn Anh	Thành viên	

#### **Ban giám đốc**

Ông Lâm Quốc Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nhạ	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Tuấn Anh	Kế toán trưởng

### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 30/6/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

### **5. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

### 6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2011; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính giữa niên độ, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2011

Giám đốc   
  
Lâm Quốc Hải



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 110660/BCSX-AISHN

## BÁO CÁO

**Kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thị Thanh Huế**  
Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

**Đào Tiến Đạt**  
Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St., Cầu Giấy Dist., Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St., Thanh Khê Dist., Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 5Đ, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City.

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0611) 371 5619 Fax : (0611) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscct@dn.vnn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.556.623.390</b>	<b>25.877.134.750</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>959.728.476</b>	<b>2.684.381.074</b>
1. Tiền	111	V.1	959.728.476	2.684.381.074
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.175.776.883</b>	<b>14.228.794.383</b>
1. Phải thu khách hàng	131		9.526.429.102	11.366.463.293
2. Trả trước cho người bán	132		1.475.415.717	4.388.057.470
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	16.755.461.461	5.016.671.067
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.581.529.397)	(6.542.397.447)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>781.672.387</b>	<b>1.677.524.731</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	781.672.387	1.677.524.731
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.639.445.644</b>	<b>7.286.434.562</b>
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.944.674	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.601.500.970	7.286.434.562
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>172.553.222.753</b>	<b>187.149.185.589</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>46.500.229</b>	<b>27.101.627</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		46.500.229	27.101.627
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>171.168.168.596</b>	<b>167.262.359.982</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18.824.332.618	18.028.849.782
<i>Nguyên giá</i>	222		20.483.516.584	19.411.034.765
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.659.183.966)	(1.382.184.983)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	58.695.390.000	58.695.390.000
<i>Nguyên giá</i>	228		58.695.390.000	58.695.390.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	93.648.445.978	90.538.120.200
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.130.086.000</b>	<b>19.532.320.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	18.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.915.400.000	1.915.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(785.314.000)	(383.080.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>208.467.928</b>	<b>327.403.980</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	208.467.928	327.403.980
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>203.109.846.143</b>	<b>213.026.320.339</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>106.762.245.771</b>	<b>111.727.252.405</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>106.091.425.771</b>	<b>111.727.252.405</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	100.000.000	14.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		42.945.514.768	41.909.246.213
3. Người mua trả tiền trước	313		1.585.758.606	9.364.166.176
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.770.295	691.742.142
5. Phải trả người lao động	315		165.046.639	259.420.901
6. Chi phí phải trả	316	V.17	0	1.713.745.432
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	60.226.433.125	42.601.529.203
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.062.902.338	1.187.402.338
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>670.820.000</b>	<b>0</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	670.820.000	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>96.347.600.372</b>	<b>101.299.067.934</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>96.347.600.372</b>	<b>101.299.067.934</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.075.000.000	90.075.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.161.453.222	1.161.453.222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		976.705.862	976.705.862
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.134.441.288	9.085.908.850
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>203.109.846.143</b>	<b>213.026.320.339</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
5. Ngoại tệ các loại				
- EURO			64,90	64,84
- USD			410,78	410,15

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Lâm Quốc Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2011 đồng	Năm 2010 đồng	Năm 2011 đồng	Năm 2010 đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	14.153.493.429	8.124.272.898	14.490.311.612	11.725.434.641
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	14.153.493.429	8.124.272.898	14.490.311.612	11.725.434.641
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	13.113.448.951	6.882.719.546	13.260.431.252	9.818.553.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.040.044.478	1.241.553.352	1.229.880.360	1.906.881.176
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	69.737.180	14.124.873	77.610.200	45.866.551
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	4.090.413.229	0	4.457.623.335	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		988.179.229	0	1.355.389.335	0
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		893.918.694	859.226.411	1.701.535.437	1.380.356.535
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.874.550.265)	396.451.814	(4.851.668.212)	572.391.192
11. Thu nhập khác	31		0	0	0	0
12. Chi phí khác	32		2.819.387	549.999	99.799.350	849.999
13. Lợi nhuận khác	40		(2.819.387)	(549.999)	(99.799.350)	(849.999)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.877.369.652)	395.901.815	(4.951.467.562)	571.541.193
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	49.487.727	0	71.442.649
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.877.369.652)	346.414.088	(4.951.467.562)	500.098.544
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	(430,46)	38,46	(549,70)	55,52

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Lâm Quốc Hải



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2011 đồng	Năm 2010 đồng
<b>I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.333.182.784	12.627.761.575
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(5.959.201.066)	(9.018.209.039)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.092.715.600)	(1.045.588.525)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(78.944.891)	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(607.669.143)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.105.212.542	114.464.070
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.192.947.424)	(3.121.254.823)
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.506.917.202</b>	<b>(442.806.742)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(180.000.000)	(538.228.954)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	77.015.013	45.866.551
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.984.987)</b>	<b>(492.362.403)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	800.000.000	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.029.180.000)	0
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(13.229.180.000)</b>	<b>0</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.725.247.785)</b>	<b>(935.169.145)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.684.381.074	3.565.122.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	595.187	0
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>959.728.476</b>	<b>2.629.953.827</b>

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Lâm Quốc Hải

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Điện.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303245217 đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72, Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 30/6/2011, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là 90.075.000.000 đồng, cơ cấu vốn như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

**1- Hình thức sở hữu vốn**

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

**2- Lĩnh vực kinh doanh chính**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 bao gồm: Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, kinh doanh du lịch, khách sạn.

**3- Ngành nghề kinh doanh**

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở);

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao);
- Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

**II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán hiện hành từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đồng).

**III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

**7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông của Công ty.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu giữa Công ty và khách hàng, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn tài chính theo quy định

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận theo nguyên tắc kế toán dồn tích, tuân thủ đầy đủ 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác". Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (gia công): được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác"

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012 cho hoạt động kinh doanh lĩnh vực truyền tải điện.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

**15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hoạt động xây lắp và khách sạn đều chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Tiền mặt tại quỹ	480.978.366	73.481.848
Tiền gửi ngân hàng (*)	478.750.110	2.610.899.226
<b>Cộng</b>	<b>959.728.476</b>	<b>2.684.381.074</b>

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>468.380.668</b>	<b>2.601.139.649</b>
Ngân hàng NN & PTNT - CN Mạc Thị Bưởi	8.549.951	849.399.222
Ngân hàng NN & PTNT - CN 9 - TP.HCM	852.583	1.823.899
NH Đầu tư và Phát triển - Sở giao dịch II	3.891.981	447.283.425
Ngân hàng TMCP Đại Tín - CN Sài Gòn	5.430.126	322.894.290
NH TMCP Ngoại thương - CN Phú Mỹ Hưng	343.681.921	941.550.789
Ngân hàng Phương Tây - TP.HCM	300.000	0
Cty Chứng khoán NH Ngoại thương Việt Nam	105.674.106	38.188.024
<b>Tiền gửi ngoại tệ</b>	<b>10.369.442</b>	<b>9.759.577</b>
<b>Tiền gửi USD</b>	<b>410,78</b>	<b>8.469.462</b>
NH Đầu tư và phát triển - Sở giao dịch II	207,57	4.279.678
Ngân hàng NN & PTNT - CN Mạc Thị Bưởi	203,21	4.189.784
<b>Tiền gửi EURO</b>	<b>64,90</b>	<b>1.899.980</b>
NH Đầu tư và phát triển - Sở giao dịch II	64,90	1.899.980
<b>Tổng cộng</b>	<b>478.750.110</b>	<b>2.610.899.226</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Phải thu Công ty TNHH Hải Vân Sơn tiền lãi vay ngân hàng MÊCA trả hộ (*)	4.037.311.951	3.998.180.001
Phải thu khác Công ty TNHH Hải Vân Sơn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khác Công ty Cổ phần Thành Long (**)	11.700.000.000	0
Ông Võ Văn Khôi	10.159.500	10.159.500
Kinh phí công đoàn	2.219.715	2.561.271
Phải thu khác	5.770.295	5.770.295
<b>Cộng</b>	<b>16.755.461.461</b>	<b>5.016.671.067</b>

(\*): Ngày 24/12/2008, Công ty TNHH Hải Vân Sơn ký hợp đồng mua Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C đường Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO với giá trị chuyển nhượng là 21.700.000.000 đồng. MÊCA thế chấp khách sạn Xanh Sài Gòn (chưa làm thủ tục sang tên cho Hải Vân Sơn do đang trong quá trình thanh toán) bảo lãnh cho Hải Vân Sơn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh số tiền 14.000.000.000 đồng, Hải Vân Sơn sau khi nhận tiền vay đã chuyển cho MÊCA 13.000.000.000

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đồng. Tới thời điểm trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng thì Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán, Giám đốc Công ty TNHH Hải Vân Sơn đề nghị Ngân hàng thực hiện xử lý tài sản thế chấp, tuy nhiên tài sản này vẫn thuộc MÊCA nên Ngân hàng đã yêu cầu MÊCA phải trả nợ thay Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết và Công ty đã thực hiện theo yêu cầu đó.

(\*\*): Đây là khoản phải thu do MÊCA thoái vốn tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co (Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long; tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là **1.800.000** cổ phần (mệnh giá **10.000** đồng/cổ phần); đơn giá chuyển nhượng là **8.500** đồng/cổ phần. Cho tới thời điểm 30/6/2011, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền cho Công ty tổng số tiền **3.600.000.000** đồng).

**4. Hàng tồn kho**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Nguyên liệu, vật liệu	43.779.299	43.779.299
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	737.893.088	1.633.745.432
<b>Cộng</b>	<b>781.672.387</b>	<b>1.677.524.731</b>

**8. Tình hình tăng; giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Tại 01/01/2011	18.515.338.724	661.464.248	0	234.231.793	19.411.034.765
Mua sắm	0	33.900.000	1.038.581.819	0	1.072.481.819
Tại 30/6/2011	18.515.338.724	695.364.248	1.038.581.819	234.231.793	20.483.516.584
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Tại 01/01/2011	1.183.128.609	125.444.142	0	73.612.232	1.382.184.983
Khấu hao trong kỳ	205.725.986	29.233.750	28.849.495	13.189.752	276.998.983
Tại 30/6/2011	1.388.854.595	154.677.892	28.849.495	86.801.984	1.659.183.966
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2011	17.332.210.115	536.020.106	0	160.619.561	18.028.849.782
Tại 30/6/2011	17.126.484.129	540.686.356	1.009.732.324	147.429.809	18.824.332.618

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đang dùng để cầm cố, thế chấp vay: 0 đồng.

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Tại 01/01/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 30/6/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại 01/01/2011	0	0	0
Khấu hao trong kỳ	0	0	0
Tại 30/6/2011	0	0	0
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 30/6/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Dự án 277 Bến Bình Đông	93.648.445.978	90.538.120.200
<b>Cộng</b>	<b>93.648.445.978</b>	<b>90.538.120.200</b>

Đây là dự án căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. Dự án có tổng mức đầu tư là 498.000.000.000 đồng xây dựng trên diện tích đất 5.465,4 m2 bao gồm 02 tầng hầm để xe, khối đế 2 tầng thương mại, dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng. Hiện nay dự án mới trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Công ty Cổ phần Sông Ba	1.915.400.000	1.915.400.000
<b>Cộng</b>	<b>1.915.400.000</b>	<b>1.915.400.000</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	208.467.928	327.403.980
<b>Cộng</b>	<b>208.467.928</b>	<b>327.403.980</b>



**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Vay ngắn hạn	100.000.000	0
Bà Nguyễn Thị Phương Đạm	50.000.000	0
Ông Mai Thái Dũng	50.000.000	0
Vay dài hạn đến hạn trả	0	14.000.000.000
NH Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh 9, Tp.HCM	0	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Thuế GTGT phải nộp	0	78.302.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	607.669.143
Thuế thu nhập cá nhân	5.770.295	5.770.295
<b>Cộng</b>	<b>5.770.295</b>	<b>691.742.142</b>

**17. Chi phí phải trả**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Lãi vay phải trả	0	80.000.000
Trích trước chi phí công trình	0	1.633.745.432
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>1.713.745.432</b>

**18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	23.556.703	24.706.151
Phải trả Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam (*)	59.338.016.350	41.752.095.581
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	8.000.000	8.000.000
Các khoản phải trả khác	856.860.072	816.727.471
<b>Cộng</b>	<b>60.226.433.125</b>	<b>42.601.529.203</b>

(\*) : Đây là khoản tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho vay để trả nợ ngân hàng và tăng vốn lưu động.

**20. Vay và nợ dài hạn**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Hồ Chí Minh	670.820.000	0
<b>Cộng</b>	<b>670.820.000</b>	<b>0</b>

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu Quý I năm 2011	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	9.085.908.850	101.299.067.934
Lỗ trong Quý I	0	0	0	(1.074.097.910)	(1.074.097.910)
Số dư cuối Quý I năm 2011, số dư đầu Quý II năm 2011	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	8.011.810.940	100.224.970.024
Lỗ trong Quý II	0	0	0	(3.877.369.652)	(3.877.369.652)
Số dư cuối Quý II năm 2011	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	4.134.441.288	96.347.600.372

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	63.100.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.975.000.000	26.975.000.000
<b>Cộng</b>	<b>90.075.000.000</b>	<b>90.075.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	6 tháng đầu năm 2011 đồng	6 tháng đầu năm 2010 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>90.075.000.000</b>	<b>90.075.000.000</b>
+ Vốn góp đầu năm	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2011 CP	01/01/2011 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**e. Các quỹ của doanh nghiệp:**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Quỹ đầu tư phát triển	1.161.453.222	1.161.453.222
Quỹ dự phòng tài chính	976.705.862	976.705.862

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**25. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý II</b>	<b>Quý II</b>	<b>6 tháng đầu</b>	<b>6 tháng đầu</b>
	<b>năm 2011</b>	<b>năm 2010</b>	<b>năm 2011</b>	<b>năm 2010</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Tổng doanh thu bán hàng và CCDV	14.153.493.429	8.124.272.898	14.490.311.612	11.725.434.641
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng	0	1.842.363.415	0	1.842.363.415
Doanh thu xây lắp	13.889.857.066	5.676.176.755	13.889.857.066	8.738.100.771
Doanh thu cung cấp dịch vụ	263.636.363	605.732.728	600.454.546	1.144.970.455

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý II</b>	<b>Quý II</b>	<b>6 tháng đầu</b>	<b>6 tháng đầu</b>
	<b>năm 2011</b>	<b>năm 2010</b>	<b>năm 2011</b>	<b>năm 2010</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	0	2.111.418.656	0	2.111.418.656
Giá vốn xây lắp	12.956.241.942	4.041.964.550	12.956.241.942	6.183.536.975
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	157.207.009	729.336.340	304.189.310	1.523.597.834
<b>Cộng</b>	<b>13.113.448.951</b>	<b>6.882.719.546</b>	<b>13.260.431.252</b>	<b>9.818.553.465</b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Quý II</b>	<b>Quý II</b>	<b>6 tháng đầu</b>	<b>6 tháng đầu</b>
	<b>năm 2011</b>	<b>năm 2010</b>	<b>năm 2011</b>	<b>năm 2010</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.102.993	14.124.873	9.976.013	45.866.551
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.039.000	0	67.039.000	0
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	595.187	0	595.187	0
<b>Cộng</b>	<b>69.737.180</b>	<b>14.124.873</b>	<b>77.610.200</b>	<b>45.866.551</b>

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. Chi phí tài chính**

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	6 tháng đầu năm 2011 đồng	6 tháng đầu năm 2010 đồng
Lãi tiền vay	988.179.229	0	1.355.389.335	0
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.700.000.000	0	2.700.000.000	0
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	402.234.000	0	402.234.000	0
<b>Cộng</b>	<b>4.090.413.229</b>	<b>0</b>	<b>4.457.623.335</b>	<b>0</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	6 tháng đầu năm 2011 đồng	6 tháng đầu năm 2010 đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	49.487.727	0	71.442.649
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0	0	0
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>0</b>	<b>49.487.727</b>	<b>0</b>	<b>71.442.649</b>

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	6 tháng đầu năm 2011 đồng	6 tháng đầu năm 2010 đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.877.369.652)	346.414.088	(4.951.467.562)	500.098.544
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.877.369.652)	346.414.088	(4.951.467.562)	500.098.544
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.007.500	9.007.500	9.007.500	9.007.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(430,46)</b>	<b>38,46</b>	<b>(549,70)</b>	<b>55,52</b>

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

**3- Thông tin về bên liên quan**

- **Giao dịch với Công ty mẹ:** Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là Công ty mẹ có cổ phần chi phối chiếm 65,87% vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty; chiếm 70,05% vốn điều lệ thực góp của Công ty tính đến ngày 30/6/2011. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 234 Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty mẹ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011:

- Nhận vật tư (sắt, thép, bulông, kẽm thỏi...) phục vụ các hoạt động gia công cột thép, xây lắp đường dây theo các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty mẹ và Công ty;

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nhận vốn vay từ Công ty mẹ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty; nhận vốn bằng tiền do Công ty mẹ cấp (ứng vốn) để thực hiện các hợp đồng kinh tế ký giữa Công ty mẹ và Công ty đồng thời quyết toán khối lượng xây lắp, gia công hoàn thành và thanh toán công nợ với Công ty mẹ.

Công nợ phải thu, phải trả của Công ty tại ngày 30/6/2011 với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO):

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	01/01/2011 đồng	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	30/6/2011 đồng
<b>Tổng VNECO trả tiền trước cho MÊCA thi công công trình điện</b>					
1	Vốn ứng trước thi công	3.831.197.723	15.760.239.259	19.177.977.675	413.459.307
<b>MÊCA phải trả Tổng VNECO do mua vật tư</b>					
1	Vật tư MÊCA giữ hộ	26.511.221.068	3.459.500	26.514.680.568	0
2	MÊCA mua vật tư của tổng VNECO	37.280.412.585	0	0	37.280.412.585
<b>MÊCA phải trả khác VNECO</b>					
1	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền sửa chữa công trình, tiền vay mượn tạm thời	515.864.414	0	515.864.414	0
2	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền thu xếp tin dụng	41.402.666.667	18.386.097.222	412.351.039	59.376.412.850
<b>MÊCA phải thu khác VNECO</b>					
1	Tổng VNECO phải trả tiền MÊCA chi hộ kinh phí đền bù	166.435.500	38.396.500	166.435.500	38.396.500
2	MÊCA báo nợ tiền phòng khách sạn Tổng VNECO	0	150.208.000	150.208.000	0

- Năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO góp vốn liên doanh **18.000.000.000** đồng chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co có trụ sở tại Lô B1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long; tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là **1.800.000** cổ phần (mệnh giá **10.000** đồng/cổ phần); đơn giá chuyển nhượng là **8.500** đồng/cổ phần. Cho tới thời điểm 30/6/2011, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền cho Công ty tổng số tiền **3.600.000.000** đồng.

**5- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Lâm Quốc Hải